TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-ST
Ngày 15/10/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cương Lĩnh;

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Minh Tùng.

2/ Bà Trần Thị Diễm Châu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2019/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng K

Địa chỉ: ấp V, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

Đại diện theo pháp luật bà Trần Tuấn A, chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng K

Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Hưng H, chức vụ phó giám đốc Ngân hàng K – PGD V

Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2019

Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ H

2/ Ông Trần Thắng T

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã Q, huyện V, Thành phố Cần Thơ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị B

Địa chỉ: ấp 2, xã Q, huyện V, thành phố Cần Thơ

2/ Ông Lê Hoàng N

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng N gồm:

1/ Ông Lê Tấn H

2/ Bà Dương Thị C

3/ Bà Đặng Thị L

4/ Cháu Lê Thị Anh T

5/ Cháu Lê Thị Thảo M

6/ Cháu T, Cháu M có bà Đặng Thị L là mẹ ruột đại diện.

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã Q, huyện V, Thành phố Cần Thơ.

(Ông A, bà H, bà L có mặt; Còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Trần Thắng T phải thanh toán cho Ngân hàng K (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 1.218.764.773đ *(Một tỷ, hai trăm mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi bốn ngàn, bảy trăm bảy mươi ba đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000đ, lãi trong hạn là 180.704.932đ, tiền phạt chậm trả lãi là 12.592.307đ, lãi quá hạn là 25.467.534đ, lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 284/17/H ĐTD/0404 – 5495 từ ngày 08/3/2019 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Sau khi có quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật mà bà H và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp số quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số 284/17/HĐTC – BĐS/0404-5495 ngày 06/06/2017 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Về nội dung vụ kiện: nguyên bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Thắng T có ký kết với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 284/17/HĐTD/0404-5495, ngày 06/06/2017 với nội dung như sau:

- Số tiền vay: 1.000.000.000đ (một tỷ đồng);

- Mục đích vốn vay: mua đất, xây dựng nhà nhà ở;

- Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên;

- Lãi suất cho vay: 11,07%/năm, tính trên dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế. lãi suất cố định trong 3 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay thay đổi trong các trường hợp sau đây:

+ Sau mỗi 3 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên lãi suất vay của các khế ước nhận nợ sẽ thay đổi. Lãi suất vay thay đổi được tính như sau: lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng của loại tiền đang vay, loại lãnh lãi cuối kỳ công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng biên độ 4,05%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành hoặc

+ Khi ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng lãi suất cơ bản của loại tiền đang hoặc:

+ Khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất, mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay tăng lên.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất tại thời điểm nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Phạt chậm trả lãi: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp số quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số 284/17/HĐTC –BĐS/0404-5495 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng V ngày 06/06/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V ngày 06/06/2017. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

Quyền sử dụng đất số AG 567906; số vào sổ: H00686 do UBND huyện Vĩnh Thạnh cấp ngày 25/4/2007; diện tích: 12.471m^2; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Thửa đất số 380; tờ bản đồ số 03; địa chỉ: ấp 2, xã Q, huyện V, Thành phố Cần Thơ.

Quyền sử dụng đất số AG 567907; số vào sổ: H00685 do UBND huyện Vĩnh Thạnh cấp ngày 25/04/2007; diện tích 6855m^2; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa; thửa đất số 377; tờ bản đồ số 03, địa chỉ ấp 2, xã Thạnh Q, huyện V, Thành phố Cần Thơ.

Trong quá trình vay vốn, bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Thắng T không thanh toán được phần lãi nào, khi đến hạn thanh toán nợ Ngân hàng đã nhiều lần thong báo, nhắc nhở và ông bà cũng nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng

cam kết. Hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng ông bà vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký. Nên Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho ngân hàng theo nội dung yêu cầu trên.

Bị đơn bà H có ý kiến trình bày tại biên bản tự khai ngày 22/04/2019 như sau:

Vào năm 2018 bà có vay của Ngân hàng K 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng)*, thời hạn vay là 5 năm, bà chưa đóng lãi gần 1 năm vì lý do: Chồng bà là ông T lâm bệnh bà và con bà phải lo thuốc than chạy chữa, con bà đi học mới ra trường, vừa xin được việc làm thì phải nghĩ việc để lo cho cha, gia đình bà lâm vào cảnh rất khó khăn, nên tha thiết cầu xin với Ngân hàng cho chậm lại 1 năm, nghĩa là tới năm 2020 bà sẽ đóng lãi và trả vốn theo hợp đồng của Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị B có ý kiến trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 28/8/2019 tại Tòa án như sau:

Bà không có mối quan hệ như thế nào với bà H và ông T, bà chỉ là người hàng xóm với bà H và ông T. Vào ngày 28/10/2010 bà có nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 08 công tầm cắt, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.471m^2, thuộc thửa số 380, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Q, huyện V, Thành phố Cần Thơ, giá chuyển nhượng là 150.000.000đ và 75 chỉ vàng 24k, loại vàng Thốt Nốt, số vàng và tiền bà đã giao đủ cho bà H và ông T. Việc chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay *"tờ thỏa thuận mua bán đất sản xuất nông nghiệp"* ngày 28/10/2010, không có công chứng, chứng thực, bản chính bà đang giữ. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý, nếu muốn phát mãi đất của bà H và ông T thì phải trả lại tiền chuyển nhượng đất cho bà, bà cũng đã làm đơn khởi kiện rồi.

Ông Lê Hoàng N có ý kiến trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 28/8/2019 như sau:

Ông không có mối quan hệ gì với bà H và ông T, vào ngày 22/02/2016 ông có nhận cố đất của bà H và ông T, diện tích cố là 6855 m2, nằm trong thửa 377, tờ bản đồ số 03, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00685 cấp ngày 25/4/2007. Thời hạn cố là 03 năm, đến nay đã hết hợp đồng, nhưng do bà H và ông T không có tiền chuộc lại nên ông vẫn tiếp tục canh tác. Giá trị hợp đồng cố là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), số tiền này ông đã giao đủ cho bà H rồi. Việc cố hai bên

có làm giấy tay *"tờ cố đất"* lập ngày 02/02/2016, không có công chứng chứng thực. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý, nếu muốn phát mãi đất của bà H và ông T thì bà H phải trả lại tiền cố đất cho ông, vấn đề này ông sẽ làm đơn khởi kiện trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hôm nay, nếu không nộp đơn thì Tòa án cứ giải quyết vụ án trên theo qui định của pháp luật.

Đến ngày 04/10/2019 ông N chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm: ông Lê Tấn H (cha ông N), bà Dương Thị C (mẹ ông N), bà Đặng Thị L (vợ ông N, cháu Lê Thị Anh T, cháu Lê Thị Thảo M, có người đại diện là bà Đặng Thị L mẹ ruột lần lượt thống nhất trình bày như sau:

Bà Đặng Thị Li có lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2019 tại Tòa án như sau: bà là vợ của ông Lê Hoàng N (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân Hàng K với phía bị đơn là ông Trần Thắng T và bà Nguyễn Thị Mỹ H vụ việc đang được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết theo trình tự thủ tục sơ thẩm. Ông N chết ngày 04/10/2019, chết do tại nạn giao thông.

Ông Lê Hoàng N có tất cả 02 người con cụ thể: Lê Thị Anh T, sinh năm 2008; Lê Thị Thảo M, sinh năm 2010, hiện tại chưa thành niên, đều do vợ Nam là Đặng Thị L nuôi dưỡng và là người đại diện theo pháp luật. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm: cha mẹ ông N là Lê Tấn H; Dương Thị C, vợ của N tên Đặng Thị L, các con N là Lê Thị Anh T, sinh năm 2008, Lê Thị Thảo M, sinh năm 2010. Ngoài ra, không còn ai khác. Vào ngày 22/02/2016 ông N chồng bà có nhận có đất của bà H và ông T, diện tích cố là 6855 m^2, nằm trong thửa 377, tờ bản đồ số 03, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00685 cấp ngày 25/4/2007. Thời hạn cố là 03 năm, đến nay đã hết hợp đồng, nhưng do bà H và ông T không có tiền chuộc lại nên ông N vẫn tiếp tục canh tác. Hiện ông N chết thì bà là Đặng Thị L trực tiếp canh tác quản lý.

Giá trị hợp đồng cố là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), số tiền này N đã giao đủ cho bà H rồi. Việc cố hai bên có làm giấy tay *"tờ cố đất"* lập ngày 02/02/2016, không có công chứng chứng thực.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý, nếu muốn phát mãi đất của bà H và ông T thì bà H phải trả lại tiền cố đất cho bà và những người thừa

kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N, nhưng bà không khởi kiện gì trong vụ kiện này.

Đối với hai con của tôi là Lê Thị Anh T, sinh năm 2008; Lê Thị Thảo M, sinh năm 2010, hiện tại chưa thành niên, nên bà là người đại diện theo pháp luật cho các cháu.

Ông Dương Tấn H và bà Dương Thị C cùng có ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2019 tương đồng với lời khai của bà Đặng Thị L.

Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa như sau:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu như đã trình bày, xác định số nợ tính đến ngày 15/10/2019 thì bị đơn còn nợ của nguyên đơn, tổng cộng là 1.311.810.054đ *(Một tỷ ba trăm mười một triệu, tám trăm mười ngàn, không trăm năm mươi bốn đồng)*. Trong đó, gốc là 1.000.000.000đ, lãi trong hạn là 228.401.096đ, lãi quá hạn là 58.476.575đ, lãi phạt chậm trả là 24.932.383đ. Phía ngân hàng giảm lãi phạt chậm trả cho bị đơn số tiền là 24.932.383đ, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn lại là: 1.286.877.671đ *(Một tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi một đồng)*.

Nếu không trả nguyên đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại thửa số 380, diện tích 12.471m^2 và thửa số 377, diện tích 6.855m^2, loại đất trồng lúa, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Q, huyện V, Thành phố Cần Thơ, đất do bà H và ông T đứng tên quyền sử dụng, để ưu tiên thu hồi nợ.

Bị đơn bà H thống nhất số nợ, đồng ý trả nợ cho nguyên đơn, nhưng đề nghị ngân hàng giảm lãi cho bị đơn, đồng ý trả nợ gốc cho nguyên đơn là 1.000.000.000đ, để nghị ngân hàng cho khất nợ lại 1 tháng sẽ thương lượng với những chủ đất đã cố để có hướng trả nợ cho nguyên đơn.

Bà Đặng Thị L giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng N chết, những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Lê Hoàng N gồm cha mẹ, vợ con ông N đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng, trong đo con của ông N chưa thành niên nên bà L là mẹ đại diện cho các con chưa thành niên là phù hợp với qui định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu bị đơn không trả ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là các quyền sử đụng đất đã thế chấp cho nguyên đơn, để ưu tiên thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Quá trình giải quyết bị đơn ông T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà B vắng mặt không lý do. Ông N chết có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm: ông H, bà C, bà L và 02 con ông N gồm: Lê Thị Anh T, sinh năm 2008; Lê Thị Thảo M, sinh năm 2010. Trong đó, ông H và bà C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cháu T và cháu M chưa thành niên có bà L là mẹ ruột làm đại diện theo pháp luật được qui định tại Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết số 284/17/HĐTD/0404-5495, ngày 06/06/2017, tính đến ngày 15/10/2019, tổng cộng là: 1.286.877.671đ, trong đó gốc là 1.000.000.000đ, lãi là 286.877.671đ (chưa tính phần lãi phạt chậm trả là 24.932.383đ), tại phiên tòa bị đơn bà H thừa nhận toàn bộ số nợ, nên yêu cầu khởi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Hợp đồng tín dụng do ông T và bà H trực tiếp ký kết với Ngân hàng, nên buộc ông T và bà H cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ.

Đối với việc bị đơn bà H đề nghị với Ngân hàng cho trả nợ gốc, yêu cầu Ngân hàng giảm toàn bộ số lãi, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đồng ý giảm phần lãi phạt chậm trả cho bị đơn với số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 24.932.383đ, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn, nên công nhận.

[2.2] Về xử lý tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho hợp đồng vay, phía bị đơn có thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 380, tờ bản đồ số 03, diện tích là 12.471m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00686, cấp ngày 25/04/2007 và thửa số

377, tờ bản đồ số 03, diện tích 6855m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00685, đất cùng tọa lạc tại ấp 2, xã Q, huyện V, Thành phố Cần Thơ, do bà Nguyễn Thị Mỹ H đứng tên quyền sử dụng. Việc thế chấp đã được các bên xác nhận, có công chứng, được đăng ký thế chấp với cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, nếu bị đơn không trả số nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản ưu tiên thanh toán nợ.

[3] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà B, ông N (chết ngày 04/10/2019), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm ông H, bà C, bà L và 02 con của ông N, do con của ông N chưa thành niên nên bà L là mẹ ruột làm người đại diện theo pháp luật.

- Bà B cho rằng phần đất bà đang quản lý sử dụng có diện tích là 8,5 công tầm cắt thuộc thửa số 377 và một phần thửa số 380 là do bà nhận chuyển nhượng từ bà H và ông T, số tiền là 150.000.000đ và 75 chỉ vàng 24k loại vàng Thốt Nốt. Vấn đề này tại phiên tòa bà H không thừa nhận, bà H cho rằng chỉ có cố cho bà B với số tiền bà B trình bày. Quá trình giải quyết bà B có đơn yêu cầu độc lập, Tòa án cũng đã thông báo cho bà nộp số tiền tạm ứng án phí, bà B trực tiếp nhận thông báo, nhưng quá thời hạn bà không nộp cho Tòa án, quá trình giải quyết bà cũng vắng mặt, tại phiên tòa bà cũng nhiều lần vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không thể xem xét yêu cầu độc lập của bà. Dành quyền khởi kiện của bà đối với bà H và ông T theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Đối với việc ông N (chết) những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm ông H, bà C, bà L và 02 con của ông N, do con của ông N chưa thành niên nên bà L là mẹ ruột làm người đại diện theo pháp luật cho rằng đã nhận cố 01 phần thửa đất số 380, diện tích 6,5 công tầm cắt với giá 250.000.000đ, nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa không yêu cầu xem xét. Nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết, khi nào các bên tranh chấp sẽ được xem xét bằng vụ kiện dân sự khác theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

[4] Về án phí và chi phí thẩm định tại chổ: Lỗi là của nên bị đơn phải chịu. Về chi phí thẩm định hết 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong, lỗi là của bị đơn nên bị đơn phải nộp để chuyển trả lại cho nguyên đơn.

[5] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 4, 5, 6, 11, 14, 26, 35, 147, 207, 227, 228, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều khoản 1, Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng K.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Thắng T cùng có trách nhiệm trả số tiền vay tính đến ngày 15/10/2019 là tổng cộng là: 1.286.877.671đ *(Một tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi một đồng)* cho Ngân hàng K. Trong đó gốc là 1.000.000.000đ, lãi là 286.877.671đ.

Kể từ ngày 16/10/2019 nếu bị đơn chậm trả số tiền trên còn phải chịu lãi suất tiếp theo hợp đồng tín dụng 284/17/HĐTD/0404-5495, ngày 06/06/2017 các bên đã giao kết, đến khi thanh toán dứt nợ.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chổ do Tòa án lập ngày 21/08/2019 để xác định phần đất các bên thế chấp đảm bảo.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền là 50.606.330đ *(Năm mươi triệu, sáu trăm lẻ sáu ngàn, ba trăm ba mươi đồng)*.

Chi phí xem xét thẩm định: Các khoản hết 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Lỗi là của bị đơn nên phải nộp để chuyển trả cho nguyên đơn.

Ngân hàng K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 24.282.000đ (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi hai ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2016/001579, ngày 22/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Về xử lý tài sản đảm bảo: Nếu bị đơn không trả số nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại thửa số

380, tờ bản đồ số 03, diện tích là 12.471m2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00686, cấp ngày 25/04/2007 và thửa số 377, tờ bản đồ số 03, diện tích 6855m2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00685, đất cùng tọa lạc tại ấp 2, xã Q, huyện V, Thành phố Cần Thơ, do bà Nguyễn Thị Mỹ H đứng tên quyền sử dụng, để ưu tiên thanh toán nợ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án (trích sao án), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hàn hán, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Cương Lĩnh